TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 249/2026/HNGĐ-ST Ngày: 13/8/2026 V/v: "tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Nguyễn Thị Mai Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tám;

2. Ông Lương Văn Ánh.

- Thư ký phiên tòa: bà Hồ Thị Hoàng Sa là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 84/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về *"tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1033/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1994. *Có mặt*

Địa chỉ: thôn T, xã C, thành phố Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: bà Ngô Thị Đ – Luật sư thuộc văn phòng luật sư Vũ Minh T. *Có mặt*

Địa chỉ: số A, đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* chị Phan Thị Thu T1, sinh năm 1998. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn T, xã Q, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2025, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – anh Nguyễn Đức N trình bày: anh và chị T1 đã ly hôn theo Bản án số 123/2021/HNGĐ-ST ngày 19/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh. Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Thiên Â, sinh ngày 06/01/2020. Tại thời điểm ly hôn, cháu Â chưa đủ 36 tháng

tuổi nên theo Bản án số 123/2021/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh đã tuyên chị T1 được quyền trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn, anh nhận thấy chị T1 không thể trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc tốt cho con bởi những lý do sau: Thứ nhất, chị T1 không trực tiếp nuôi con mà giao cho bà ngoại của cháu chăm sóc. Trước đây, chị T1 đi làm việc ở xa, lúc thì vào thành phố Hồ Chí Minh, lúc lại ra thành phố Đà Nẵng sinh sống. Công việc của chị T1 không có giờ cố định nên việc gần gũi để chăm sóc, quan tâm con là điều rất khó khăn. Đến nay, anh được biết chị T1 đã kết hôn với người khác và tiếp tục giao con cho bà ngoại của cháu nuôi dưỡng. Với tình trạng này, cháu Â sẽ càng khó có cơ hội được sống gần mẹ, được mẹ yêu thương và dạy dỗ. Thứ hai, hoàn cảnh và môi trường sống hiện tại của cháu Â không tốt. Hoàn cảnh gia đình nhà ngoại cháu cũng rất chật vật, điều kiện kinh tế không đảm bảo trong khi phải nuôi cùng lúc nhiều người cháu khác (là con của anh, chị, em của chị T1). Với điều kiện sống như vậy, cho thấy chị T1 không có khả năng đảm bảo việc chăm sóc tốt cho con cả về vấn đề thời gian và điều kiện vật chất. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu Â. Nhất là khi chị T1 lập gia đình riêng, cháu phải ở với bà ngoại, không nhận được sự chăm sóc yêu thương trực tiếp từ cả cha và mẹ. Đây là một thiệt thòi lớn đối với một đứa trẻ chỉ mới 05 tuổi. Thứ ba, mặc dù chị T1 được quyền trực tiếp nuôi con nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì anh vẫn được quyền thăm nom, chăm sóc cho cháu Â. Tuy nhiên, kể từ thời điểm ly hôn đến nay, phía chị T1 liên tục cản trở việc anh thăm nom con. Nhiều lần anh đến thăm con tại nhà của bà ngoại đều bị chị T1 và gia đình nhà ngoại ngăn cản, không cho anh gặp mặt, đưa đón cháu về thăm nội. Hành vi này của chị T1 không chỉ vi phạm quy định của pháp luật mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của cháu Â, khiến cho con không nhận được sự quan tâm, chăm sóc từ cha và cả gia đình nhà nội. Về lâu dài, dẫn đến đến việc con bị thiếu thốn tình cảm gia đình, ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bình thường của trẻ. Thứ tư, hiện tại cháu Â không được chị T1 quan tâm giáo dưỡng một cách đầy đủ dẫn đến tinh thần và tích cách của cháu đang có khuynh hướng thích bạo lực. Cháu Â thường tỏ thái độ nóng nảy, cáu gắt khi gặp điều không như ý. Đặc biệt, con nhiều lần dùng gạch, đá ném vào những bạn đồng trang lứa. Những lúc như vậy, phía chị T1 và gia đình nhà ngoại đều tỏ ra thờ ơ, không tìm cách dạy dỗ, khuyên răn con. Tình trạng này kéo dài rất dễ hình thành tích cách bạo lực, lối sống lệch lạc của cháu về sau. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy chị T1 không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của người nuôi dưỡng trực tiếp cháu Â. Chị không trực tiếp sống chung, không đảm bảo thời gian chăm sóc con, môi trường sống và điều kiện vật chất cũng có nhiều hạn chế cộng với việc không sát sao trong vấn đề giáo dưỡng tính cách của con. Tình trạng này tiếp diễn đã và đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần của cháu ở hiện tại và sau này. Về phía điều kiện của anh, hiện anh đang sinh sống ổn định tại địa chỉ: thôn T, xã C, thành phố Đà Nẵng. Anh mở cửa hàng kinh doanh dịch vụ mua bán điện thoại, có thể chủ động sắp xếp được thời gian để trực tiếp chăm sóc con, gần gũi, hiểu hơn về tâm tư nguyện vọng và kịp thời chấn chỉnh, dạy dỗ con sống đúng mực. Anh có

đủ điều kiện kinh tế lo được cho con ăn uống, học tập đầy đủ cũng như những nhu cầu thiết yếu khác. Bên cạnh đó, vì anh cũng đang sống gần gia đình nên nếu về ở với anh, cháu Â có thể nhận được sự quan tâm, chăm sóc từ gia đình nhà nội để cháu được yêu thương, đùm bọc và giáo dưỡng một cách trọn vẹn. Do vậy, anh đề nghị xem xét, giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn để anh được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức Thiên Â, đảm bảo cho con được lớn lên trong tình yêu thương và phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần một cách tốt nhất.

Tại bản tự khai đề ngày 27/3/2026, trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - chị Phan Thị Thu T1 trình bày: chị không thống nhất với yêu cầu của anh N. Sau khi ly hôn, chị được Tòa án giao quyền nuôi con và anh N không cấp dưỡng nuôi con chung. Đến thời điểm hiện tại cháu Â phát triển bình thường, hoạt bát, vui vẻ. Hiện tại cháu Â đang học mẫu giáo lớn tại trường M, rất gần nhà và thuận tiện. Việc anh N cho rằng gia đình chị ngăn cản việc thăm con là không đúng sự thật. Chị vẫn để cho anh N thực hiện các quyền thăm nom con theo quy định.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ: nguyên đơn nộp 01 bản sao Bản án số 123/2021/HNGĐ-STngày 19/8/2021; 01 bản chính Hợp đồng thuê mặt bằng; 01 bản sao Trích lục khai sinh; 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; 01 bản chính Giấy ra viện; 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; 01 đơn xin xác nhận; 01 bản sao sổ hộ khẩu, 01 bản sao chứng minh nhân dân, 01 bản phô tô căn cước công dân. Bị đơn nộp: 01 bản sao căn cước công dân, 01 bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, 01 đơn xin xác nhận; 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; 01 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn – chị Phan Thị Thu T1 có nơi cư trú tại thôn T, xã Q, thành phố Đà Nẵng. Anh N khởi kiện yêu cầu được thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là *"tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng theo khoản 3 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa, bị đơn – chị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T1 tại phiên tòa.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Tại Bản án số 123/2021/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh tuyên giao cháu Nguyễn Đức Thiên Â, sinh ngày 06/01/2020 cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh N đưa ra những lý do để yêu cầu thay đổi nuôi con: chị T1 không trực tiếp nuôi con mà giao cho bà ngoại nuôi; chị T1 đã kết hôn với người khác; công việc và chỗ ở không ổn định; hoàn cảnh gia đình chị T1 chật vật, điều kiện kinh tế không đảm bảo, cháu Â không được chị T1 quan tâm giáo dưỡng một cách đầy đủ dẫn đến tinh thần và tích cách của cháu đang có khuynh hướng thích bạo lực; chị T1 liên tục cản trở việc anh thăm nom con; nhiều lần anh đến thăm con tại nhà của bà ngoại đều bị chị T1 và gia đình nhà ngoại ngăn cản, không cho anh gặp mặt, đưa đón cháu về thăm nội...Anh N cho rằng tết năm 2024, anh đến thăm con nhưng bị ngăn cản. Từ đó đến nay, anh không thăm nom con, không cấp dưỡng nuôi con. Anh N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh chị T1 không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình cũng như việc gia đình chị T1 ngăn cản không cho thăm nom con.

Chị T1 cung cấp Giấy xác nhận chứng nhận độc thân, chứng minh chị T1 chưa kết hôn với ai. Tại Đơn xác nhận của Hội liên hiệp phụ nữ xã Q: *"năm 2021, chị ly hôn anh Nguyễn Đức N. Từ đó đến nay chị nuôi cháu Nguyễn Đức Thiên Â, sinh ngày 06/01/2020. Hai mẹ con sinh sống cùng nhà ba mẹ tại thôn T, xã Q, thành phố Đà Nẵng. Cháu Â hiện đang theo học trường M (địa chỉ: thôn L, xã Q, thành phố Đà Nẵng). Trong suốt thời gian qua, cháu Â phát triển bình thường và chuẩn bị bước vào lớp 1, trường Tiểu học M. Bản thân chị làm chủ một tiệm Tóc, đang hoạt động tại số E, đường N, xã Q, thành phố Đà Nẵng, thu nhập ổn định"*. Hiện chị T1 có 01 quyền sử dụng đất tại thửa số 616, tờ bản đồ 02, tại thôn A, xã Q, thành phố Đà Nẵng.

Từ những phân tích trên, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Đức Thiên Â, sinh ngày 06/01/2020 cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về án phí: anh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức N về việc *" tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn".*

Tiếp tục giao cháu Nguyễn Đức Thiên Â, sinh ngày 06/01/2020 cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi thành niên (18 tuổi). Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng anh N phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà anh N đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001891 ngày 04/3/2026 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 13-8-2026). Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 2, 6 và 36

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6 – Đà Nẵng;
- Chi cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 6

WE2130826.TL.QDBA
1495

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai Loan